

VỀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

HOÀNG QUẢNG LỰC*

Việc Tòa án xác định thừa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự (thực chất họ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thì sau đó bản án của Tòa án không đề cập đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ và thường không có hậu quả pháp lý xảy ra. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có một số trường hợp làm cho việc xét xử vụ án phức tạp hơn.

Từ khóa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vụ án dân sự.

Nhận bài: 15/12/2021; biên tập xong: 04/01/2022; duyệt bài: 08/01/2022.

Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định: “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì

Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

Như vậy, về mặt hình thức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự phải là người được Tòa án xác định có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự mà Tòa án đang giải quyết; còn về mặt nội dung, việc Tòa án giải quyết vụ án thực sự có liên quan đến quyền lợi, hoặc nghĩa vụ hoặc đồng thời vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của họ. Thực tế xảy ra nhiều trường hợp Tòa án xác định thiếu

* Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự, dẫn đến việc hủy án để xét xử lại, nhằm bổ sung đủ những người tham gia tố tụng, bảo đảm quyền lợi của những người này, hoặc để những người này thực hiện nghĩa vụ mà theo pháp luật, họ là người có trách nhiệm thực hiện. Ngược lại, việc Tòa án xác định thừa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự (thực chất họ không có quyền lợi, cũng như nghĩa vụ liên quan trong vụ án) thì sau đó bản án của Tòa án không đề cập gì đến quyền lợi, cũng như nghĩa vụ của họ và thường không có hậu quả pháp lý xảy ra. Tuy nhiên, có một số trường hợp việc đưa người không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm cho việc xét xử phức tạp hơn. Tác giả đưa ra vụ án cụ thể dưới đây để làm rõ vấn đề này:

Nội dung vụ án:

Ngày 05/11/2018, Công ty cổ phần đầu tư thương mại TL (gọi tắt là Công ty TL) ký Hợp đồng số 588/2018/HĐTTS về việc đưa thực tập sinh đi thực tập kỹ năng tại Nhật Bản với chị Lê Thị C, sinh năm 1997, thường trú tại huyện Q, tỉnh B. Trong hợp đồng, người bảo lãnh cho chị Lê Thị C là ông Lê Phương T, bố của Lê Thị C, địa chỉ tại huyện Q, tỉnh B. Nghĩa vụ của người bảo lãnh được quy định rõ trong hợp đồng, đó là trong trường hợp thực tập sinh Lê Thị C bỏ trốn khỏi nơi làm việc, ông Lê Phương T phải bồi thường cho Công ty TL số tiền là 200 triệu đồng ngay sau khi Công ty TL có văn bản yêu cầu và nếu

không chấp nhận việc bồi thường, hoặc bồi thường chậm trễ, thì Công ty TL có quyền khởi kiện ra Tòa án nơi có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Phương T bồi thường cho Công ty TL số tiền 200 triệu đồng và chịu thêm tiền phạt bằng 8% số tiền này (16 triệu đồng) do chậm thanh toán.

Ngày 10/02/2020, phía công ty của Nhật Bản có thông báo gửi cho Công ty TL về việc thực tập sinh Lê Thị C bỏ trốn khỏi ký túc xá và không đến nơi làm việc theo hợp đồng đã ký từ ngày 26/01/2020.

Sau khi nhận được thông báo, Công ty TL đã có văn bản gửi ông Lê Phương T, yêu cầu ông T thực hiện trách nhiệm bảo lãnh là bồi thường số tiền 200 triệu đồng theo hợp đồng đã ký kết, nhưng ông T không chấp nhận.

Ngày 23/7/2020, Công ty TL đã gửi đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B buộc ông Lê Phương T phải bồi thường cho Công ty TL số tiền 216 triệu đồng. Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý đơn khởi kiện, xác định chị Lê Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tiến hành thông báo qua phương tiện truyền thông về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, yêu cầu chị Lê Thị C nếu có ý kiến gì liên quan đến vụ án thì gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án, có mặt tham gia phiên tòa; đồng thời, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu của chị Lê Thị C trước khi xuất cảnh, tại Tòa án và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Sau khi thực hiện các công việc trên và hoãn phiên tòa một lần do chị C

vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã xét xử vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TL, buộc ông Lê Phương T bồi thường cho Công ty TL số tiền là 216 triệu đồng.

Trong vụ án này, với yêu cầu khởi kiện như trên, Tòa án chỉ có thể giải quyết theo một trong hai phương án sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TL, buộc ông Lê Phương T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TL, nếu có căn cứ xác định chị Lê Thị C bỏ trốn không đến làm việc cho công ty của Nhật Bản; hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TL, nếu không có đủ căn cứ để xác định sự kiện trên. Dù giải quyết theo phương án nào, thì trong vụ án này rõ ràng phán quyết của Tòa án đều không làm phát sinh quyền hoặc nghĩa vụ pháp lý nào đối với chị Lê Thị C.

Có ý kiến cho rằng, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì quyền lợi của chị C bị ảnh hưởng, bởi trong mối quan hệ gia đình truyền thống Việt Nam, lợi ích kinh tế giữa các thành viên trong gia đình thông thường có sự gắn kết, phụ thuộc lẫn nhau rất lớn; hơn nữa, trong vụ án này quan hệ giữa ông T và chị C không chỉ đơn thuần là quan hệ cha con, mà ông T còn là người dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho chị C được đi thực tập kỹ năng tại Nhật Bản, nên không thể xác định chị C không có trách nhiệm liên quan đối với khoản tiền bồi thường cho Công ty TL mà ông T phải chịu theo phán quyết của Tòa án. Ngoài ra, mặc dù việc Tòa án xác định chị C có bỏ trốn hay không tuy không dẫn đến việc chị C phải có trách nhiệm bồi thường một số tiền cho ai đó, nhưng rõ ràng việc này có

liên quan đến quyền lợi của chị C. Chẳng hạn, đó là sự đánh giá của xã hội về tư cách của chị C và điều này có thể ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của chị C trong tương lai. Do đó, cần xác định chị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Theo tác giả, việc xác định một người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cần căn cứ vào quyền, nghĩa vụ cụ thể của họ được pháp luật quy định và trong giới hạn các nội dung tranh chấp của vụ án; không nên xác định quyền, nghĩa vụ một cách chung chung, cảm tính, hoặc mở rộng quyền, nghĩa vụ ngoài phạm vi tranh chấp. Đây là vụ án tranh chấp yêu cầu thực hiện hợp đồng đã ký kết. Theo đó, khi xảy ra sự kiện thực tập sinh bỏ trốn, thì công ty đưa thực tập sinh ra nước ngoài có quyền yêu cầu người bảo lãnh thực hiện bồi thường theo cam kết đã ký, hoặc khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc người bảo lãnh thực hiện bồi thường theo cam kết. Người được bảo lãnh không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu bồi thường của nguyên đơn trong vụ án này; cần đặt quyền và nghĩa vụ của chị C trong mối quan hệ với ông T, do việc ông Lê Phương T bảo lãnh để chị C được đi thực tập kỹ năng tại Nhật Bản. Việc mở rộng khái niệm “liên quan” trong định nghĩa “người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự” trong BLTTDS năm 2015 là không hợp lý. Ví dụ, trong tố tụng hình sự, việc xét xử người vợ phạm tội, mặc dù có thể việc này liên quan đến uy tín và các mối quan hệ xã hội khác của người chồng, liên quan đến cơ quan, tổ chức mà người vợ là thành viên, nhưng

không Tòa án nào đưa người chồng hay cơ quan, tổ chức mà người vợ là thành viên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tác giả cho rằng, nếu Tòa án thấy cần có thêm lời khai của chị C về việc chị C bỏ trốn hay không để làm sáng tỏ vụ án, thì cũng không thể xác định chị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp việc chị C bỏ trốn khỏi nơi làm việc là đúng sự thật thì việc đưa chị C vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng chỉ làm vụ án thêm phức tạp, vì không xác định được địa chỉ nơi cư trú của chị C. Để giải quyết vụ án với đầy đủ căn cứ thuyết phục mà không đưa chị C vào

tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, Tòa án có thể yêu cầu Công ty TL cung cấp thêm các tài liệu chứng minh việc bỏ trốn khỏi nơi làm việc; không có việc chị C gặp sự cố nên không thể đến nơi làm việc được.

Trên đây là quan điểm của tác giả về vấn đề xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong một vụ án tranh chấp dân sự cụ thể. Thiết nghĩ, đây là vấn đề phức tạp về việc xác định giới hạn của khái niệm “liên quan” trong khái niệm “người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự”. Rất mong sự trao đổi của bạn đọc, các đồng nghiệp về vấn đề nêu trên. □

VỀ QUYỀN NHÂN THÂN ...

(Tiếp theo trang 41)

tuổi của người yêu cầu thay đổi tên của chính họ. Theo tác giả, cần bổ sung quy định về độ tuổi để cá nhân được quyền tự mình yêu cầu thay đổi tên của họ.

Ba là, Điều 28 BLDS năm 2015 chưa dự liệu trường hợp thay đổi họ tên cho người mất năng lực hành vi dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 28 BLDS năm 2015, theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi

ích hợp pháp của người đó thì cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên. Vậy đối với trường hợp người có tên bị mất năng lực hành vi dân sự và việc sử dụng tên gọi của họ cũng gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó thì giải quyết như thế nào? Để bao quát được đầy đủ các trường hợp, cần bổ sung vào điểm a khoản 1 Điều 28 BLDS năm 2015 quy định như sau: “Theo yêu cầu của người có tên hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người có tên”. □